TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST
Ngày 02-6-2020
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tiến;

Ông Nguyễn Quốc Thống.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng"theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đoàn Thị Thu C, sinh năm 1985 (có đơn vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã R, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 12 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đoàn Thị Thu C trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Năm 2017, sau thời gian tìm hiểu thì bà và ông M đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, hôn nhân không tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau năm 2019.

Lý do xin ly hôn: Quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cự cãi và không tìm được tiếng nói chung. Bà

và ông Đ cũng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được hôn nhân. Gia đình, thân tộc hai bên cũng tổ chức hàn gắn hôn nhân cho vợ chồng nhưng không kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tiếp tục duy trì cũng không hạnh phúc nên bà C yêu cầu ly hôn với ông M.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Đoàn Bảo A (Nữ), sinh ngày 25/11/2018 và Nguyễn Đoàn Bảo N (Nữ), sinh ngày 25/11/2018. Hiện các con đang sống với bà C, khi ly hôn bà C yêu cầu được nuôi 02 người con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và công nợ: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.*

Tại phiên tòa:

Bà C có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông M vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về thủ tục tố tụng

Bà C yêu cầu ly hôn với ông M, yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà C nộp đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà C.

Ông M vắng mặt xét xử lần 02 nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Bà C và ông M sau thời gian tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, nhưng không tổ chức đám cưới gã theo phong tục tập quán địa phương; đến năm 2019 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau vào ngày 07/3/2019, tại Giấy chứng nhận kết hôn số 10 (theo giấy trích lục kết hôn). Vì vậy quan hệ hôn nhân của bà C và ông M được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà C yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2018 và cho đến năm 2019 sau khi đăng ký kết hôn vẫn không thay đổi tình trạng mâu thuẫn; ông bà đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Ông M được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt, không trình bày ý kiến chứng tỏ ông M không thiện chí hàn gắn hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa bà C và ông M đã đến mức trầm trọng, bởi lẽ

vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018, sống ly thân từ năm 2019 và cho đến nay vẫn duy trì tình trạng ly thân, không có cách giải quyết mâu thuẫn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đoàn Thị Thu C đối với ông Nguyễn Văn M theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về nuôi con chung: Bà Cúc yêu cầu được 02 người con chung tên Nguyễn Đoàn Bảo A (Nữ), sinh ngày 25/11/2018 và Nguyễn Đoàn Bảo N (Nữ), sinh ngày 25/11/2018, hiện các con đang sống với bà C và không có căn cứ cho rằng điều kiện sống của các con không đảm bảo. Ông M không có ý kiến phản đối bà C nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C, giao Bảo A và Bảo Ngọc cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo mọi mặt cho các con cũng phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Bà C yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi 02 con theo quy định pháp luật, ông M không có ý kiến phản đối. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà C là phù hợp với quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình nhằm đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các con nên buộc ông M cấp dưỡng định kỳ nuôi dưỡng đối với mỗi người con 745.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, cấp đầu tháng, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông M chậm thanh toán số tiền nói trên, thì hàng tháng ông M còn phải chịu thêm khoản tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

- Về chia tài sản chung, công nợ:Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự*"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà C phải chịu; ông M phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều147,220, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đoàn Thị Thu C với ông Nguyễn Văn M.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Đoàn Bảo A (Nữ), sinh ngày 25/11/2018 và Nguyễn Đoàn Bảo N (Nữ), sinh ngày 25/11/2018 cho bà Đoàn Thị Thu C trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Buộc ông Nguyễn Văn M cấp dưỡng định kỳ hàng tháng nuôi dưỡng Nguyễn Đoàn Bảo A và Nguyễn Đoàn Bảo N, cấp dưỡng cho **mỗi** cháu 745.000 đồng/tháng, cấp dưỡng đầu tháng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông M chậm thanh toán số tiền nói trên, thì hàng tháng ông M còn phải chịu thêm khoản tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

4. Về chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí:

- Án phí Hôn nhân và Gia đình: Bà Đoàn Thị Thu C phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà C được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006989 ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Án phí cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí không giá ngạch 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND xã Hàm Rồng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Khánh